TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DSST
Ngày: 25/10/2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang.**
Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.**
2/ Ông Y Míp Niê.

Thư ký phiên tòa: **Ông Lương Công Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Cát Cảng -** Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-DS ngày 08/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐST-DS ngày 21/10/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đ.
- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Đ (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, các biên bản hoà giải tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian năm 2014 đến năm 2016 bà Hoàng Thị T có cho bà Đoàn Thị Đ chốt cà phê nhân xô (theo hình thức ứng tiền trước giao cà phê sau) và vay tiền mặt nhiều lần. Tính đến ngày 08/02/2016 khi hai bên tính toán lại sổ sách thì bà Đ còn nợ bà T số tiền 94.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 1,3%/tháng nên bà Đ ký xác nhận và hẹn khi nào bà T cần bà Đ sẽ trả. Sau đó mặc dù bà T đòi nhiều lần nhưng đến cuối năm 2016 bà Đ chỉ trả được 8.000.000 đồng tiền lãi, năm 2017 có trả thêm 5.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền nợ gốc 94.000.000 đồng bà Đ vẫn không trả. Đến ngày 26/01/2019 bà Đ chốt cà phê quả tươi và nhận tiền mặt số tiền 2.680.000 đồng, sau đó, bà Đ đồng ý tính tiền lãi đối với số tiền 94.000.000 đồng,

lãi suất 1,3%/tháng từ ngày 08/02/2016 đến ngày 26/01/2019 là 43.000.000 đồng, khấu trừ 13.000.000 đồng tiền lãi mà bà Đ đã trả trong năm 2016, 2017, số tiền lãi còn lại là 30.000.000 đồng nên tổng số nợ mà bà Đ nợ bà T tính đến ngày 26/01/2019 là 126.680.0000 đồng và hẹn khi nào bà T cần thì sẽ thanh toán hết. Tuy nhiên đến nay bà Đ vẫn không trả cho bà T. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 126.680.000 đồng, trong đó gốc là 96.680.000 đồng và lãi suất của số tiền 94.000.000 đồng từ ngày 08/02/2016 đến ngày 26/01/2019 là 30.000.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn bà Đoàn Thị Đ trình bày:

Bà xác nhận trong năm 2014 có chốt của bà Hoàng Thị T 700 kg cà phê nhân xô và nhận số tiền 28.000.000 đồng. Sau đó vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bà Đ nợ bà T trong năm 2014 là 38.000.000 đồng. Việc vay tiền và chốt cà phê có thỏa thuận lãi suất nhưng bà không xác định lãi suất bao nhiêu.

Sau đó mùa cà phê năm 2015 bà Đ có trả 22.000.000 đồng (trả thông qua việc bà Đ bán cho bà Thôi 3.000 kg cà phê quả tươi, giá 9.000 đồng/kg = 27.000.000 đồng, nhưng bà Đ chỉ lấy số tiền 5.000.000 đồng). Đến năm 2017, bà Đ có trả 10.000.000 đồng và năm 2018, trả tiếp số tiền 8.000.000 đồng. Vì việc chốt cà phê và vay tiền không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau nên khi trả tiền thì hai bên cũng không lập văn bản. Đối với số tiền bà Đ trả dư 2.000.000 đồng thì bà Đ yêu cầu bà T trả lại.

Sau đó ngày 08/02/2016 khi bà T tính toán sổ sách, cộng tiền lãi và gốc thành số nợ 94.000.000 đồng thì mặc dù không còn nợ nhưng do bà T ép buộc nên bà Đ ký xác nhận số nợ 94.000.000 đồng và hẹn khi nào bà T cần bà Đ sẽ trả. Đến ngày 26/01/2019 bà Đ xác nhận có chốt thêm 2.680.000 đồng tiền cà phê quả tươi, sau đó bà T cộng thêm 30.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 94.000.000 đồng từ ngày 08/02/2016 đến ngày 26/01/2019 với mức 1,3%/tháng, có khấu trừ 13.000.000 đồng bà Đ đã trả trong năm 2016, 2017. Do bà T ép buộc nên bà Đ đã ký xác nhận có nợ bà T tổng số tiền 126.680.000 đồng.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số nợ 126.680.000 đồng, thì bà Đ không đồng ý và yêu cầu bà T khấu trừ số tiền lãi là 30.000.000 đồng và số tiền 40.000.000 đồng mà bà Đ đã trả cho bà T trong năm 2015, 2017 và 2018, số tiền còn lại là 56.680.000 đồng, bà Đ trả dần, mỗi năm trả 10.000.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ của vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự theo quy định pháp luật; xác định đầy đủ, đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 96.680.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của bị đơn, xác định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến 2019 giữa bà Hoàng Thị T và bà Đoàn Thị Đcó giao dịch làm ăn với nhau thông qua hình thức bà T cho bà Đ vay tiền mặt và chốt cà phê (lấy tiền trước, giao cà phê sau). Đến ngày 08/02/2016 sau khi chốt sổ, bà Đ đã ký nhận nợ của bà T số tiền 94.000.000 đồng; ngày 26/01/2019 bà Đ nhận 2.680.000 đồng của bà T do chốt cà phê. Như vậy tổng số tiền nợ gốc mà bà Đ còn nợ bà T là 96.680.000 đồng.

Kể từ thời điểm nhận nợ (ngày 08/02/2016 và ngày 26/01/2019) đến nay, bà Đ chỉ mới thanh toán khoản tiền lãi là 13.000.000 đồng cho bà T. Số tiền nợ gốc còn lại đến nay bà Đ vẫn chưa thanh toán. Mặc dù bà T có đòi nhiều lần nhưng bà Đ không trả. Như vậy, bà Đ đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó bà T yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Đ phải có nghĩa vụ trả khoản nợ 96.680.000 là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu trả số tiền lãi 30.000.000 đồng của số tiền 94.000.000 đồng từ ngày 08/02/2016 đến ngày 26/01/2019 của bà Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc vay tài sản giữa hai bên đều có thỏa thuận lãi suất. Ngày 26/01/2019 khi bị đơn vay tiếp của nguyên đơn số tiền 2.680.000 đồng (thông qua hình thức chốt cà phê, nhận tiền trước, giao cà phê sau) thì cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định số tiền lãi mà bị đơn chưa trả cho nguyên đơn là 30.000.000 đồng với mức lãi suất 1,3%/tháng (có khấu trừ số tiền lãi 13.000.000 đồng mà bị đơn đã trả trong năm 2016, 2017). Do đó số tiền lãi mà bị đơn chưa trả cho nguyên đơn tính đến ngày 26/01/2019 là 30.000.000 đồng. Việc thỏa thuận lãi của hai bên suất phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS. Như vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 30.000.000 đồng

[2.3] Đối với lời khai nại của bà Đoàn Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đ xác nhận từ năm 2014 đến năm 2016 có chốt cà phê và vay tiền mặt của bà Hoàng Thị T, tổng số tiền là 38.000.000 đồng nhưng sau đó đã trả 40.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 08/02/2016 do bị bà T ép buộc nên bà Đ ký nhận số nợ 94.000.000 đồng, đến ngày 26/01/2019 bà Đ chốt thêm 2.680.000 đồng tiền cà phê của bà T và bị bà T ép buộc

tính tiền lãi 30.000.000 đồng vào cộng vào số nợ 94.000.000 đồng, nên tổng số tiền mà bà T ép bà Đ nhận nợ là 126.680.000 đồng.

Ngày 24/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã ra quyết định về việc yêu cầu phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình. Tuy nhiên bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh năm 2015, 2017 và 2018 đã trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng và việc bà ký giấy xác nhận nợ là do bà T ép buộc bà ký.

HĐXX xét thấy: Ngoài lời khai nại trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa về việc bị đơn đã trả số tiền 40.000.000 đồng và bị nguyên đơn ép ký giấy giấy nợ thì bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình. Do đó không có căn cứ cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn 40.000.000 đồng và khấu trừ 30.000.000 đồng tiền lãi.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bà Đ mà có cơ sở chấp nhận lời khai của bà T, yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T là có cơ sở, cần buộc bà Đ thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, trả cho bà T số tiền 126.680.000 đồng còn nợ.

[3] Đối với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án và đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

Buộc bà Đoàn Thị Đ phải trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 126.680.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng);*

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Đ phải nộp 6.334.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền 3.167.000 đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0002665 ngày 27/8/2019.

3. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐăkLăk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang